

Vĩnh Phúc, ngày 02 tháng 04 năm 2021

**QUY CHẾ LÀM VIỆC**  
**ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

**MỤC TIÊU**

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- Tạo điều kiện cho công tác tổ chức, tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 được thành công tốt đẹp. Đại hội đưa ra được những quyết nghị đúng đắn đảm bảo sự phát triển nhanh và bền vững của Công ty.

**Điều 1. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông**

- Các cổ đông của Công ty đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa;
- Cổ đông và đại diện cổ đông đến muộn vẫn có quyền đăng ký tham dự Đại hội và tham gia biểu quyết các vấn đề tiếp theo của Đại hội. Đại hội không có trách nhiệm dừng và biểu quyết lại các vấn đề đã thông qua.
- Các cổ đông phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Đoàn Chủ tịch cho phép;
- Cổ đông có thể uỷ quyền cho đại diện của mình tham gia vào các vấn đề của Công ty trong phạm vi quyền hạn của mình. Người được uỷ quyền không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty. Người được uỷ quyền được thực hiện các quyền trong phạm vi được uỷ quyền phù hợp với quy định của pháp luật và Quy chế này. Người được uỷ quyền không được uỷ quyền lại cho người thứ ba.
- Việc cử đại diện và uỷ quyền, thay đổi đại diện và người được uỷ quyền phải được thực hiện bằng văn bản theo đúng những quy định:
  - + Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản uỷ quyền phải được ký bởi cổ đông đó.
  - + Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì phải được đóng dấu và được ký bởi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó.

**Điều 2. Trật tự của Đại hội**

- Tất cả các cổ đông đến tham dự đại hội ăn mặc chỉnh tề.
- Cổ đông khi vào phòng đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội có quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.
- Không hút thuốc lá trong Phòng đại hội.
- Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc để chế độ im lặng.

**Điều 3. Đoàn Chủ tịch Đại hội**

- Đoàn Chủ tịch Đại hội gồm 03 người: Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa Đại hội. Đoàn Chủ tịch điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình được Đại hội thông qua.



**- Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:**

✓ Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

✓ Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;

✓ Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

✓ Trả lời những vấn đề do cổ đông yêu cầu.

✓ Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

- **Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tịch:** Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

**Điều 4. Đoàn thư ký Đại hội**

- Đoàn thư ký của Đại hội gồm 02 người do Chủ tọa Đại hội giới thiệu và được Đại hội thông qua. Đoàn thư ký chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tịch.

**- Nhiệm vụ của Đoàn thư ký:**

✓ Giúp Đoàn Chủ tịch kiểm tra tư cách của cổ đông và đại diện cổ đông dự họp (khi cần thiết);

✓ Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;

✓ Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông, chuyển Đoàn Chủ tịch quyết định.

✓ Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp Đại hội;

✓ Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.

**Điều 5. Ban thẩm tra tư cách cổ đông**

- Ban thẩm tra tư cách cổ đông của Đại hội gồm 04 người. Ban thẩm tra tư cách cổ đông chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.

**- Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông**

✓ Ban kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.

✓ Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông có quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tiến hành tổ chức.

**Điều 6. Ban kiểm phiếu**

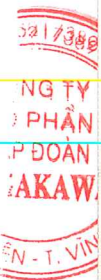
- Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 03 người: 01 Trưởng ban và 02 thành viên do Chủ tọa Đại hội giới thiệu và được Đại hội thông qua.

**- Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:**

✓ Điều hành và xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng nội dung cần biểu quyết tại Đại hội;

✓ Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;

✓ Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết;



✓ Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

#### **Điều 7. Thảo luận tại Đại hội:**

##### **- Nguyên tắc:**

✓ Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các nội dung trong chương trình Đại hội đồng cổ đông;

✓ Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải đăng ký nội dung phát biểu bằng cách ghi phiếu biểu quyết và được sự đồng ý của Chủ tịch đoàn.

##### **- Cách thức phát biểu:**

✓ Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa đoàn sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông. Thời gian phát biểu không quá 5 phút

#### **Điều 8. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội.**

##### **- Nguyên tắc:**

Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội (trừ các vấn đề được thông qua bằng hình thức bỏ phiếu kín) đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông bằng Phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện. Mỗi cổ đông được cấp một Phiếu biểu quyết, trong đó ghi mã số cổ đông, số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa.

- **Cách biểu quyết:** Cổ đông biểu quyết (theo thứ tự: đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến) một vấn đề bằng cách ghi phiếu

#### **Điều 9. Nghị Quyết và Biên bản Đại hội đồng cổ đông.**

Biên bản Đại hội và Nghị quyết Đại hội phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

#### **Điều 10. Thi hành Quy chế**

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

*Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua.*

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**



**CHỦ TỊCH HĐQT**

*Nguyễn Đức Khả*

CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

---o0o---

Số: 01/2021/TT-ĐHĐCĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---o0o---

Vĩnh Phúc, ngày 02 tháng 04 năm 2021

## TỜ TRÌNH

(V/v Thông qua báo cáo tài chính năm 2020)

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông – Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa;**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa (Báo cáo chi tiết đính kèm).

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 đã được Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt thực hiện kiểm toán và xác nhận:

“Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất”.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua./.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Đức Khả

**I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

<b>TÀI SẢN</b>		<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>706.923.329.362</b>	<b>583.479.470.624</b>
I	Tiền và các tài khoản tương đương tiền	4.914.235.456	11.640.206.650
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	34.500.000.000	38.384.000.000
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	254.592.158.679	222.274.388.930
IV	Hàng tồn kho	404.715.939.357	304.133.811.423
V	Tài sản ngắn hạn khác	8.200.995.870	7.047.063.621
<b>B</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>66.655.471.375</b>	<b>55.833.000.810</b>
I	Các khoản phải thu dài hạn	848.672.499	1.013.847.599
II	Tài sản cố định	29.357.611.699	28.462.016.925
1	<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	23.966.192.754	23.232.669.125
2	<i>Tài sản cố định thuê tài chính</i>		
3	<i>Tài sản cố định vô hình</i>	5.391.418.945	5.229.347.800
III	Bất động sản đầu tư		
IV	Tài sản dở dang dài hạn	18.544.965.000	70.000.000
V	Đầu tư tài chính dài hạn	14.142.534.860	22.525.491.607
VI	Tài sản dài hạn khác	3.761.687.317	3.761.644.679
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>773.578.800.737</b>	<b>639.312.471.434</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>		<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>C</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>560.702.255.971</b>	<b>426.519.813.155</b>
I	Nợ ngắn hạn	559.138.334.653	426.066.213.155
II	Nợ dài hạn	1.563.921.318	453.600.000
<b>D</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>212.876.544.766</b>	<b>212.792.658.279</b>
I	Vốn chủ sở hữu	212.876.544.766	212.792.658.279
1	<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	158.886.360.000	158.886.360.000
2	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	5.672.110.000	5.672.110.000
3	<i>Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu</i>		
4	<i>Vốn khác của chủ sở hữu</i>		
5	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	(20.000)	(20.000)
6	<i>Chênh lệch đánh giá lại tài sản</i>		
7	<i>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</i>		
8	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	5.915.984.116	5.313.907.820
9	<i>Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp</i>		
10	<i>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</i>		
11	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	25.171.683.805	25.449.629.716
12	<i>Nguồn vốn đầu tư XDCB</i>		
13	<i>Lợi ích của cổ đông không kiểm soát</i>	17.230.426.845	17.470.670.743
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác		
1	<i>Nguồn kinh phí</i>		
2	<i>Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ</i>		
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>773.578.800.737</b>	<b>639.312.471.434</b>



## II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.087.727.555.048	1.041.209.555.889
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	11.871.421.451	20.162.609.018
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.075.856.133.597	1.021.046.946.871
4 Giá vốn hàng bán	929.498.541.067	884.165.331.736
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	146.357.592.530	136.881.615.135
6 Doanh thu hoạt động tài chính	4.301.892.393	5.684.990.694
7 Chi phí tài chính	24.161.639.116	26.793.639.754
Trong đó chi phí lãi vay	23.309.270.556	26.145.971.249
8 Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	(8.382.956.747)	1.153.638.941
9 Chi phí bán hàng	77.446.254.238	80.908.160.646
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	27.539.167.112	21.535.121.202
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	13.129.467.710	14.483.323.168
12 Thu nhập khác	2.758.339.617	4.314.849.832
13 Chi phí khác	1.282.808.983	2.935.802.760
14 Lợi nhuận khác	1.475.530.634	1.379.047.072
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.604.998.344	15.862.370.240
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.549.537.817	3.910.396.081
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1.786.426.522	(89.551.760)
18 Lợi nhuận sau thuế TNDN	8.269.034.005	12.041.525.919
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	8.509.277.903	14.441.341.234
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(240.243.898)	(2.399.815.315)
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	525	894
20 Lãi suy giảm trên cổ phiếu	525	894

## III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
1	<b>Cơ cấu tài sản</b>			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	8,62	8,73
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	91,38	91,27
2	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	72,48	66,72
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	27,52	33,28
3	<b>Khả năng thanh toán</b>			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,54	0,66
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,26	1,37
4	<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,07	1,88
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,77	1,18
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	3,88	5,66
5	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
	+ Vòng quay hàng tồn kho	Lần	2,30	2,91
	+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	139,08	159,71

Kế toán trưởng

*[Signature]*  
KẾ TOÁN TRƯỞNG  
Nguyễn Thị Dung



Ngày 02 tháng 04 năm 2021

Tổng giám đốc

*[Signature]*  
TỔNG GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Thị Huyền Chương

## TỜ TRÌNH

(Về Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020,  
kế hoạch chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2021)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông – Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa;

Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị (HĐQT) công ty về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021, HĐQT công ty xin kính trình đại hội kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa như sau:

ĐVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ hoàn thành
1.	Doanh thu:	1.000.000.000.000	1.087.727.555.048	108.77%
2.	Lợi nhuận sau thuế:	8.000.000.000	8.269.034.005	103.36%

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, căn cứ vào tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của công ty, HĐQT công ty xin đưa ra chỉ tiêu hoạt động trong năm 2021 như sau:

ĐVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch
1.	Doanh thu:	1.500.000.000.000
2.	Lợi nhuận sau thuế:	15.000.000.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua./.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NAGAKAWA  
T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TẬP ĐOÀN  
NAGAKAWA  
T.P. VĨNH PHÚC - T. VĨNH PHÚC

CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Đức Khả

## TỜ TRÌNH

(V/v Lựa chọn Công ty kiểm toán)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông - Công ty CP Tập đoàn Nagakawa;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách các công ty kiểm toán để lựa chọn thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa như sau:

1. Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.
2. Công ty TNHH KPMG Việt Nam
3. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị đàm phán và lựa chọn một công ty kiểm toán thuộc danh sách trên để tiến hành soát xét Báo cáo tài chính bán niên (nửa năm) và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa. Trường hợp danh sách các công ty kiểm toán được chấp thuận năm 2021 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước công bố không có các công ty trên, kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán khác phù hợp.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua./.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Đức Khả



## TỜ TRÌNH

(V/v Thông qua thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020  
và kế hoạch thù lao năm 2021)

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông - Công ty CP Tập đoàn Nagakawa;**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa.
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020 của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 phê duyệt việc chi trả thù lao đối với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020 và đề xuất thù lao cho năm 2021, cụ thể như sau:

### **1. Chi trả thù lao đối với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020**

Theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2020, thù lao sẽ trả cho Hội đồng quản trị không quá 2% và Ban kiểm soát không quá 0,5% lợi nhuận trước thuế của Công ty.

Căn cứ vào kết quả Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 và tình hình sản xuất kinh doanh thực tế năm 2020, sau khi thống nhất ý kiến, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhận thù lao như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	Mức thù lao
1	Thù lao của Hội đồng quản trị	292.009.967
2	Thù lao Ban kiểm soát	40.000.000

### **2. Đề xuất Quỹ thù lao đối với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021**

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua đề xuất về mức thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa năm 2021 như sau:

STT	Nội dung	Mức thù lao
1	Thù lao của Hội đồng quản trị	Không quá 2% Lợi nhuận trước thuế năm 2021
2	Thù lao Ban kiểm soát	Không quá 0,5% Lợi nhuận trước thuế năm 2021

Thù lao cho thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát được trả vào cuối năm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua./.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**CHỦ TỊCH HĐQT**

*Nguyễn Đức Khải*